

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;*

*Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ phát triển đất tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh quản lý hoạt động và nguồn vốn của Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh;*

*Theo đề nghị của HĐQT Quỹ phát triển đất tỉnh tại Tờ trình số 19/TTr-HĐQL ngày 17/9/2025, trên cơ sở ý kiến của các Thành viên UBND tỉnh.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các phường, xã; các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - Lãnh đạo Văn phòng;
  - Các phòng chuyên môn VP UBND tỉnh;
  - Lưu: VT, KTTH<sub>Huân</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Ngô Tân Phụng**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## ĐIỀU LỆ

**Tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Điều lệ tổ chức và hoạt động (viết tắt là Điều lệ) của Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính của Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh (viết tắt là Quỹ).

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ.
- Tổ chức được ứng vốn từ Quỹ quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này.
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan đến Quỹ.

#### Điều 3. Tên gọi và nơi đặt trụ sở chính

- Tên gọi của Quỹ
  - Tên gọi đầy đủ: Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh.
  - Tên giao dịch quốc tế: Bac Ninh Land Development Fund (Viết tắt: BNLDF).
- Trụ sở: Là trụ sở của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh.

## Chương II

### ĐỊA VỊ PHÁP LÝ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

#### Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và chức năng của Quỹ

1. Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (sau đây viết tắt là UBND tỉnh), được thành lập theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.

3. Người đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật là người đại diện pháp nhân của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh.

4. Quỹ có chức năng tiếp nhận, huy động vốn theo quy định để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều 114 Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ Quy định về Quỹ phát triển đất (*viết tắt là Nghị định số 104/2024/NĐ-CP*), Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

### **Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ**

1. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.
2. Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.
3. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.
4. Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.
5. Kiểm tra việc sử dụng vốn và thu hồi vốn ứng theo quy định tại khoản 7 Điều 14 Điều lệ này; xác định chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.
6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.
7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

### **Điều 6. Quyền hạn của Quỹ**

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.
2. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.
3. Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của các dự án, nhiệm vụ được Quỹ ứng vốn.
4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng.
5. Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

### **Chương III**

## **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG**

### **Điều 7. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động**

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có:

- a) Hội đồng quản lý.
- b) Ban kiểm soát.
- c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ.

2. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Điều lệ này.

3. Mô hình hoạt động: Quỹ hoạt động theo mô hình ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh quản lý hoạt động và nguồn vốn của Quỹ. Việc ủy thác quản lý Quỹ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh do UBND tỉnh quyết định. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh chịu trách nhiệm về hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, Điều lệ này, pháp luật có liên quan và Quyết định ủy thác của UBND tỉnh.

### **Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ**

1. Hội đồng quản lý Quỹ (viết tắt là HĐQT Quỹ) có 05 thành viên, gồm: Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và các thành viên khác.

- a) Chủ tịch HĐQT Quỹ là Lãnh đạo UBND tỉnh.
- b) Phó Chủ tịch HĐQT Quỹ kiêm Giám đốc Quỹ là Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh.
- c) Các thành viên khác là Lãnh đạo các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng.
- d) Thành viên của HĐQT Quỹ không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

2. Thành viên HĐQT Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản lý do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT Quỹ

a) Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ theo đúng quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và Điều lệ này; bảo toàn và phát triển vốn.

b) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật; phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT Quỹ.

c) Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các quyết định của HĐQT Quỹ.

d) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.

đ) Phê duyệt kế hoạch ứng vốn từ Quỹ.

e) Trình UBND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ.

g) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của HĐQT Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật.

h) Được sử dụng con dấu của Quỹ và Cơ quan điều hành nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT Quỹ.

i) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

5. Chế độ làm việc của HĐQT Quỹ được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của HĐQT Quỹ, đảm bảo một số nội dung sau:

a) Các cuộc họp của HĐQT Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên HĐQT Quỹ được thực hiện bằng văn bản.

b) Các kết luận của HĐQT Quỹ được thể hiện bằng nghị quyết hoặc quyết định của HĐQT Quỹ.

c) HĐQT Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên HĐQT Quỹ có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của HĐQT Quỹ có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên HĐQT Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp HĐQT Quỹ (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp).

## **Điều 9. Ban kiểm soát Quỹ**

1. Ban kiểm soát giúp UBND tỉnh và HĐQT Quỹ kiểm soát hoạt động của Quỹ.

2. Ban kiểm soát có 03 thành viên, gồm: Trưởng ban và 02 thành viên. Ban kiểm soát Quỹ do Ban kiểm soát Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh kiêm nhiệm.

3. Thành viên của Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát:

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ Quỹ, các quy chế, quy trình của Quỹ.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của HĐQT Quỹ, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch hoạt động, trình HĐQT Quỹ phê duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát.

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do HĐQT Quỹ và UBND tỉnh giao.

### **Điều 10. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ**

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ là Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, Điều lệ này, pháp luật có liên quan và các quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các nghị quyết, quyết định của HĐQT Quỹ.

b) Trình HĐQT Quỹ ban hành hoặc sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác theo quy định pháp luật.

c) Tổng hợp, xây dựng kế hoạch ứng vốn của Quỹ để trình HĐQT Quỹ phê duyệt.

d) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

đ) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, Điều lệ này và quy định của pháp luật.

## **Chương IV**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

#### **Điều 11. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ**

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ gồm:

a) Vốn điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Quỹ là 2.200 tỷ đồng (*Bằng chữ: Hai nghìn hai trăm tỷ đồng*).

Vốn điều lệ được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách tỉnh và cấp từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ.

b) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

3. Vốn hoạt động của Quỹ được gửi tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn tỉnh bảo đảm an toàn, hiệu quả.

Quỹ mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước khu vực (hoặc cấp tỉnh), tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn tỉnh để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều lệ này.

## **Điều 12. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ**

1. Vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng để:

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước).

b) Ứng vốn cho tổ chức phát triển quỹ đất để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước.

c) Ứng vốn cho tổ chức được giao thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ứng vốn từ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Điều lệ này; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này.

## **Điều 13. Kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn từ Quỹ**

1. Kế hoạch ứng vốn:

a) Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu ứng vốn của các tổ chức được giao nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này, các tổ chức được ứng vốn xây dựng nhu cầu ứng vốn, gửi Quỹ.

Trên cơ sở nhu cầu ứng vốn của các tổ chức và khả năng cân đối nguồn vốn của Quỹ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng kế hoạch ứng vốn hằng năm trình HĐQT Quỹ phê duyệt theo nguyên tắc chỉ giao tổng nguồn vốn ứng tối đa và danh mục các dự án ứng vốn.

b) Trường hợp trong năm có phát sinh dự án, nhiệm vụ có nhu cầu ứng vốn từ Quỹ thì việc lập Kế hoạch ứng vốn bổ sung thực hiện như quy định tại điểm a khoản này.

2. Điều kiện ứng vốn:

- a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn.
- b) Có trong Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ được HĐQT Quỹ phê duyệt.
- c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện.
- d) Có phương án hoàn trả vốn ứng.
- đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

#### **Điều 14. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn**

Thẩm quyền quyết định ứng vốn:

- a) Mức vốn ứng cho một dự án dưới 30 (ba mươi) tỷ đồng do Giám đốc Quỹ quyết định.
- b) Mức vốn ứng cho một dự án từ 30 (ba mươi) tỷ đồng trở lên, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch HĐQT Quỹ quyết định.

Trước khi phê duyệt quyết định ứng vốn, cấp có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm rà soát điều kiện ứng vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này, đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và chịu trách nhiệm về việc phê duyệt số tiền ứng vốn từ Quỹ.

2. Trên cơ sở Kế hoạch ứng vốn đã được HĐQT Quỹ phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập 01 bộ hồ sơ đề nghị ứng vốn gửi Quỹ. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của tổ chức được ứng vốn về việc đề nghị ứng vốn (trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; phương án hoàn trả vốn ứng; cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng thời hạn): 01 bản chính.

Hồ sơ, tài liệu liên quan đến điều kiện ứng vốn quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này: 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trình cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này quyết định việc ứng vốn cho tổ chức được ứng vốn nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản thông báo và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị ứng vốn nếu không đủ điều kiện theo quy định.

4. Căn cứ Quyết định ứng vốn từ Quỹ của cấp có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ kiểm soát hồ sơ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương



mại nơi mở tài khoản. Chậm nhất 01 ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản chuyển tiền cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ. Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản thanh toán thực hiện lệnh chuyển tiền của Quỹ cho đối tượng thụ hưởng theo quy định.

5. Việc ứng vốn được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ thực hiện và nhu cầu ứng vốn của từng dự án, nhiệm vụ. Trường hợp thực hiện ứng vốn nhiều lần cho cùng một dự án, nhiệm vụ thì tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị ứng vốn và hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến việc ứng vốn theo từng lần.

6. Tổ chức được ứng vốn có trách nhiệm:

a) Sử dụng vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn ứng theo quy định của pháp luật. Không sử dụng vốn ứng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này để sử dụng vào mục đích khác.

b) Thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

c) Thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ và thực hiện hoàn trả vốn ứng cho Quỹ theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này.

d) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, tài liệu đề nghị ứng vốn, tài khoản nhận vốn ứng.

7. Quỹ có trách nhiệm kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng từ Quỹ và thu hồi vốn ứng theo quy định.

### **Điều 15. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ**

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ.

Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất xác định tại thời điểm ban hành Quyết định ứng vốn lần đầu của dự án, nhiệm vụ, tính trên tổng số tiền ứng vốn của từng lần ứng vốn và được cố định trong cả quá trình ứng vốn.

2. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án, dự toán của nhiệm vụ.

3. Tổ chức được ứng vốn thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ cùng thời điểm hoàn trả vốn ứng của dự án.

### **Điều 16. Quy định về hoàn trả vốn ứng cho Quỹ**

1. Thời hạn hoàn trả vốn ứng:

Căn cứ vào thời gian thực hiện dự án nhưng tối đa không quá 24 tháng; thời hạn hoàn trả vốn ứng được tính từ ngày ban hành Quyết định ứng vốn.

**2. Thu hồi vốn ứng:**

Trước khi đến hạn thu hồi vốn ứng 30 ngày, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gửi thông báo cho tổ chức được ứng vốn từ Quỹ để sắp xếp nguồn vốn hoàn trả vốn ứng.

**3. Việc hoàn trả vốn ứng thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.**

## **Chương V**

### **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO**

**Điều 17. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ**

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Chế độ tài chính của Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Các nội dung cụ thể liên quan đến chế độ tài chính của Quỹ được thực hiện theo quy định tại Nghị định 104/2024/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 18. Các khoản thu, chi của Quỹ**

1. Các khoản thu gồm:

a) Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

b) Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi gồm:

a) Chi phí ủy thác quản lý Quỹ quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Chi các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập, được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

c) Các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Chi phí ủy thác quản lý Quỹ là toàn bộ các khoản thu được quy định tại khoản 1 Điều này; Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh có trách nhiệm chi trả toàn bộ các khoản chi của Quỹ theo quy định của pháp luật.

4. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Quỹ có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi của Quỹ theo quy định của pháp luật.

## **Điều 19. Chế độ kế toán, báo cáo**

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

2. Hằng năm, Quỹ có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm của Quỹ cho UBND tỉnh.

Báo cáo tài chính năm của Quỹ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ được thực hiện theo Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật.

3.

## **Chương VI**

### **MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM**

## **Điều 20. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ với các cơ quan quản lý nhà nước, Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Tổ chức được ứng vốn**

1. Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Là mối quan hệ chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong hoạt động của Quỹ theo quy định.

b) Quỹ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ số liệu, báo cáo tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ theo yêu cầu.

2. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Là mối quan hệ chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh giao thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Quỹ.

b) Quỹ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

3. Đối với các sở, ban, ngành tỉnh

a) Là mối quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của mỗi bên trên tinh thần hợp tác nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, phục vụ sự phát triển chung của tỉnh.

b) Quỹ có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của các cơ quan đơn vị đối với các nội dung công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát của một số cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của Quỹ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### 4. Đối với HĐQT Quỹ

HĐQL Quỹ là cơ quan trực tiếp lãnh đạo mọi mặt hoạt động của Quỹ để đạt được mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ do UBND tỉnh giao thông qua việc ban hành quy chế, quy định theo thẩm quyền. Phương thức lãnh đạo bằng Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Quỹ hoặc ủy quyền cho Giám đốc Quỹ trong điều hành các nhiệm vụ cụ thể.

Giám đốc Quỹ phải thường xuyên báo cáo, xin ý kiến về các vấn đề cụ thể theo Quy chế làm việc của HĐQT Quỹ, tham mưu cho HĐQT Quỹ chuẩn bị nội dung và tổ chức các phiên họp của HĐQT Quỹ, tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Quỹ.

#### 5. Đối với Ban kiểm soát

Hoạt động của Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ của Ban kiểm soát Quỹ. Giám đốc Quỹ phải chủ động cung cấp đầy đủ các báo cáo, hồ sơ, chứng từ một cách kịp thời, minh bạch theo yêu cầu của Ban kiểm soát tại các phiên họp thường kỳ của HĐQT Quỹ, có sự tham dự của Ban kiểm soát Quỹ. Giám đốc Quỹ phải kịp thời tổ chức thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát Quỹ.

#### 6. Đối với các tổ chức được ứng vốn

Các tổ chức được ứng vốn được xem như khách hàng trong đối tượng phục vụ của Quỹ. Quỹ phải thường xuyên gắn kết, phổ biến thông tin kịp thời về các quy định, các cơ chế, chính sách, kế hoạch ứng vốn... để các tổ chức được ứng vốn nắm bắt, phối hợp thực hiện. Quá trình ứng vốn và hoàn trả vốn ứng phải thực hiện theo đúng các quy định trong Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan. Quỹ kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý nếu phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn và hoàn trả vốn ứng.

### **Chương VII** **GIẢI THỂ QUỸ**

#### **Điều 21. Giải thể Quỹ**

Việc giải thể Quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 23, 24 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

### **Chương VIII** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 22. Xử lý chuyển tiếp**

1. Các dự án đã được quyết định ứng vốn trước khi Điều lệ này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện ứng vốn cho đến khi hết thời hạn được ghi tại quyết định đó (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Trường hợp đã hết thời hạn thực hiện dự án, nếu được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư gia hạn thời gian thực hiện dự án và dự án có nhu cầu tiếp tục ứng vốn thì được tiếp tục thực

hiện việc ứng vốn đối với phần vốn cần phải ứng còn lại của dự án; Tổ chức được ứng vốn (*đơn vị tiếp nhận dự án sau sắp xếp đơn vị hành chính*) phải có văn bản đề nghị Quỹ về việc tiếp tục ứng vốn (*trong đó nêu rõ phần vốn đã ứng; phần vốn còn lại cần phải ứng; kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; chi phí quản lý vốn ứng đối với phần vốn còn lại cần phải ứng; phương án và thời hạn hoàn trả vốn ứng; cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng thời hạn*). Cấp có thẩm quyền quyết định ứng vốn (*theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này*) quyết định việc ứng vốn và thời hạn hoàn trả vốn ứng nhưng tối đa không quá thời hạn hoàn trả vốn ứng quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ này kể từ ngày ban hành Quyết định về việc tiếp tục ứng vốn.

2. Việc hoàn trả vốn ứng được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định 104/2024/NĐ-CP.

### **Điều 23. Tổ chức thực hiện**

1. Các sở, ngành có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động của Quỹ có trách nhiệm giúp UBND tỉnh chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng Quỹ đúng quy định.

2. UBND các phường, xã và các tổ chức, đơn vị ứng vốn có trách nhiệm phối hợp với Quỹ thực hiện nghiêm túc các quy định tại Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

### **Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

Trong quá trình thực hiện, Quỹ có trách nhiệm tổng hợp kết quả hoạt động, báo cáo HĐQT Quỹ trình UBND tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này cho phù hợp với yêu cầu thực tế và các quy định hiện hành của pháp luật./.